

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/DS-ST

Ngày: 19-4-2022

V/v Tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh
2. Ông Nguyễn Văn Y.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1964
Địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1968
Địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày như sau:

Trong đơn khởi kiện và Bản tự khai cùng ngày 15 tháng 11 năm 2021, bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà có tham gia chơi hội do bà Phạm Thị Thùy T làm chủ các dây hội như sau:

1/ Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 02 lần, khởi khai ngày 30/02/2019 âm lịch, hội gồm 45 phần, bà tham gia 02 phần. Hội mãn vào ngày 30/11/2020 âm lịch. Bà hốt hội cuối 02 phần được số tiền 90.000.000đồng, trừ tiền huê hồng cho chủ hội và 02 phần hội chết của bà là 3.000.000đồng, số tiền còn lại là 87.000.000đồng. Bà T chỉ giao cho bà được số tiền 43.000.000đồng, còn nợ lại 44.000.000đồng.

2/ Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 02 lần, khởi khai ngày 30/4/2019 âm lịch, hội gồm 45 phần, bà tham gia 02 phần. Dây hội này, bà đóng được 40 kỳ hội sống với số tiền 80.000.000đồng. Bà cần hốt hội thì bà T bị vỡ hội nên không giao hội cho bà. Do đó, bà T còn nợ bà số tiền 79.000.000đồng do trừ tiền huê hồng là 1.000.000đồng.

3/ Dây hội thứ ba: Hội 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 02 lần, khởi khai ngày 15/12/2019 âm lịch, hội gồm 45 phần, bà tham gia 02 phần. Dây hội này, bà đóng được 25 kỳ hội sống với số tiền 50.000.000đồng. Sau đó, bà T bị vỡ hội nên bà T còn nợ bà số tiền 50.000.000đồng.

4/ Dây hội thứ tư: Hội 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 02 lần, khởi khai ngày 25/02/2020, hội gồm 44 phần, bà tham gia 02 phần. Dây hội này, bà đóng được 21 kỳ hội sống với số tiền 42.000.000đồng. Sau đó, bà T bị vỡ hội và còn nợ bà số tiền 31.500.000đồng.

5/ Dây hội thứ năm: Hội 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 02 lần, khởi khai ngày 20/6/2020 âm lịch, hội gồm 45 phần, bà tham gia 02 phần. Dây hội này, bà đóng được 11 kỳ hội sống với số tiền 22.000.000đồng. Sau đó, bà T bị vỡ hội và còn nợ bà số tiền 22.000.000đồng.

Tổng các dây hội trên, bà T còn nợ bà số tiền là 237.000.000đồng. Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà T trả bà số tiền nợ hội là 237.000.000đồng, yêu cầu trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi một số nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện như sau:

Bà đóng số tiền 1.500.000đồng mỗi kỳ. Đến ngày 15/11/2020 âm lịch, bà T không tiến hành gom hội nữa. Đồng thời, bà xác định lại số tiền đã đóng hội trong các dây hội thứ 2, 3, 4, 5 nêu trên cụ thể là:

1/ Dây hội thứ hai: Bà đóng được 40 kỳ hội sống với số tiền 60.000.000đồng nên bà T còn nợ bà số tiền 60.000.000đồng.

2/ Dây hội thứ ba: Bà đóng được 25 kỳ hội sống với số tiền 37.500.000đồng nên bà T còn nợ bà số tiền 37.500.000đồng.

3/ Dây hui thứ tư: Bà đóng được 21 kỳ hui sống với số tiền 31.500.000đồng nên bà T còn nợ bà số tiền 31.500.000đồng.

4/ Dây hui thứ năm: Bà đóng được 11 kỳ hui sống với số tiền 16.500.000đồng nên bà T còn nợ bà số tiền 16.500.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà T còn nợ của 05 dây hui là 189.500.000đồng. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền nợ hui là 189.500.000đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong Bản tự khai ngày 03 tháng 12 năm 2021, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Thùy T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị H về quá trình giao dịch và số tiền còn nợ lại. Tuy nhiên, các dây hui thứ 2, 3, 4 và 5 như bà H trình bày hiện tạm ngừng chứ bà chưa tuyên bố vỡ hui. Do dịch Covid – 19, các hui viên gặp khó khăn nên bà có thỏa thuận với các hui viên đã hót hui cho các hui viên này đóng hui mỗi tháng từ 500.000đồng – 1.000.000đồng và trả lại cho các hui viên chưa hót hui mỗi tháng từ 500.000đồng – 1.000.000đồng, việc này bà chỉ thỏa thuận riêng với từng hui viên mà không họp mặt toàn thể hui viên. Bà có thỏa thuận với bà H nhưng bà H không đồng ý. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của bà H, bà thống nhất còn nợ bà H tổng số tiền 189.500.000đồng nhưng hiện hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và bị đơn bà Phạm Thị Thùy T trình bày thống nhất với nhau các nội dung sau:

[1.1] Bà Phạm Thị Thùy T làm chủ hui, bà Huỳnh Thị H có tham gia 05 dây hui do bà T làm chủ hui 1.000.000đồng mỗi tháng khai 02 lần, mỗi dây tham gia 02 phần, đóng mỗi kỳ với số tiền 1.500.000đồng, cụ thể như sau:

Dây hui thứ nhất: Hui khởi khai ngày 15/02/2019 âm lịch gồm 45 phần. Hui mãn vào ngày 30/11/2020 âm lịch. Bà H hót hui cuối 02 phần được số tiền 90.000.000đồng, trừ tiền huê hồng cho chủ hui và 02 phần hui chết của bà H trong dây hui này là 3.000.000đồng, số tiền còn lại là 87.000.000đồng. Bà T chỉ giao cho bà H được số tiền 43.000.000đồng, còn nợ lại 44.000.000đồng.

Dây hội thứ hai: Hội khởi khai ngày 30/4/2019 âm lịch gồm 45 phần. Đến ngày 15/11/2020 âm lịch, bà T không tiến hành gom hội nữa. Dây hội này, bà H đóng được 40 kỳ hội sống với số tiền 60.000.000đồng. Bà T chưa trả tiền lại cho bà H, bà T còn nợ bà H số tiền 60.000.000đồng.

Dây hội thứ ba: Hội khởi khai ngày 15/12/2019 âm lịch gồm 45 phần. Đến ngày 15/11/2020 âm lịch, bà T không tiến hành gom hội nữa. Dây hội này, bà H đóng được 25 kỳ hội sống với số tiền 37.500.000đồng. Bà T chưa trả tiền lại cho bà H, bà T còn nợ bà H số tiền 37.500.000đồng.

Dây hội thứ tư: Hội khởi khai ngày 25/02/2020 gồm 44 phần. Đến ngày 15/11/2020 âm lịch, bà T không tiến hành gom hội nữa. Dây hội này, bà đóng được 21 kỳ hội sống với số tiền 31.500.000đồng. Bà T chưa trả tiền lại cho bà H, bà T còn nợ bà số tiền 31.500.000đồng.

Dây hội thứ năm: Hội khởi khai ngày 20/6/2020 âm lịch gồm 45 phần. Đến ngày 15/11/2020 âm lịch, bà T không tiến hành gom hội nữa. Dây hội này, bà đóng được 11 kỳ hội sống với số tiền 16.500.000đồng. Bà T chưa trả tiền lại cho bà H, bà T còn nợ bà H số tiền 16.500.000đồng.

Tổng các dây hội trên, bà T còn nợ bà H số tiền là 189.500.000đồng.

[1.2] Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T chưa giao cho bà H số tiền hội mà bà H đã hốt là 44.000.000đồng và hoàn trả lại số tiền 145.500.000đồng của 04 dây hội đã chấm dứt. Do đó, bà T còn nợ bà H số tiền nợ hội là 189.500.000đồng.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 189.500.000đồng, không yêu cầu tính lãi, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn đồng ý trả số tiền 189.500.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hội cho hội viên theo đúng thỏa thuận và nghĩa vụ hoàn trả tiền hội của dây hội đã chấm dứt là vi phạm nghĩa vụ giao hội của chủ hội theo quy định tại các Điều 428 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 11, 18 và 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn, nay lại xin kéo dài thời hạn trả nợ là gây thiệt thòi cho quyền lợi của nguyên đơn và không được nguyên đơn chấp nhận nên yêu cầu thực hiện nghĩa vụ ngay khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất do các bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Do các đương sự không có thỏa thuận về việc trả lãi nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 428, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 11, 18 và 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hui, biêu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Thùy T phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H số tiền nợ hui là 189.500.000đồng (một trăm tám mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Huỳnh Thị H có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Phạm Thị Thùy T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

Bị đơn bà Phạm Thị Thùy T phải chịu 9.475.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H 5.925.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003544 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. TP - TG;
- THADS h. TP - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Huỳnh Trúc